

Bản án số: 58/2024/HSST

Ngày: 03/5/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN GIANG, TỈNH HƯNG YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hoàng Lâm.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Tạ Minh Tiếp – Cán bộ hưu xã Tân Tiến.

Bà Nguyễn Thị Hải Vân – Giáo viên trường THCS xã Long Hưng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thoa - Thư ký TAND huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên.

- Đại diện VKSND huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên tham gia phiên tòa: Bà Lý Thị L - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 29/2024/TLST-HS ngày 06/3/2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 45/2024/QĐXXST-HS ngày 26/3/2024, Thông báo thay đổi lịch xét xử vụ án số 01/2024/TB-TA ngày 05/4/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2024/TB-TA ngày 22/4/2024 đối với các Bị cáo:

1. Nguyễn Quang N; sinh ngày 24/01/2006; Giới tính: Nam.

Nơi ĐKKHKT: Thôn E, xã K, huyện G, Tp . Hà Nội

Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Trình độ học vấn: 10/12. Nghề nghiệp: Lao động tự do. Họ tên cha: Nguyễn Văn Đ. Họ tên mẹ: Đỗ Thị O. Gia đình có 2 anh em, bị cáo là con thứ nhất. Vợ, con: Chưa có. Tiền án, tiền sự: Chưa có. Bị cáo bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện đang tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

2. Nguyễn Đức Tài U; sinh ngày 03/9/2004; Giới tính: Nam.

Nơi ĐKKHKT: Thôn C, xã K, huyện G, Tp . Hà Nội

Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Trình độ học vấn: 12/12. Nghề nghiệp: Lao động tự do. Họ tên cha: Nguyễn Thành C; Họ tên mẹ: Lê Thị Bích T. Gia đình có 2 anh em, bị cáo là con thứ nhất. Vợ, con: Chưa có. Tiền án, tiền sự: Chưa có. Bị cáo bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện đang tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

3. Nguyễn Quang H; Sinh ngày 19/4/2006; Giới tính: Nam.

Nơi ĐKKHKT: Thôn T, xã V, huyện G, Tp . Hà Nội

Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Trình độ học vấn: 10/12. Nghề nghiệp: Lao động tự do. Họ tên cha: Nguyễn Minh P; Họ tên mẹ: Nguyễn Thị Kim D; Gia đình có 2 chị em, bị cáo là con thứ hai. Vợ, con: Chưa

có. Tiền án, tiền sự: Chưa có. Bị cáo bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện đang tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

4. Trương Quốc T1; sinh năm 1999; Giới tính: Nam.

Nơi ĐKKHKT: Thôn E, xã K, huyện G, Tp . Hà Nội

Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Trình độ học vấn: 7/12. Nghề nghiệp: Lao động tự do. Họ tên cha: Trương Văn H1; Họ tên mẹ: Nguyễn Thị Đ1; Gia đình có 2 anh em, bị cáo là con thứ hai. Vợ, con: Chưa có. Tiền án, tiền sự: Chưa có. Bị cáo bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện đang tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

5. Nguyễn Tuấn T2; Sinh năm 1998; Giới tính: Nam.

Nơi ĐKKHKT: Thôn D, xã K, huyện G, Tp . Hà Nội

Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Trình độ học vấn: 12/12. Nghề nghiệp: Lao động tự do. Họ tên cha: Nguyễn Văn B; Họ tên mẹ: Đỗ Thị N1; Gia đình có 3 anh em, bị cáo là con thứ hai. Vợ, con: Chưa có. Tiền án, tiền sự: Chưa có. Bị cáo bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện đang tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

6. Nguyễn Quang H; Sinh ngày 09/4/2006; Giới tính: Nam.

Nơi ĐKKHKT: Thôn C, xã K, huyện G, Tp . Hà Nội

Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Trình độ học vấn: 7/12. Nghề nghiệp: Lao động tự do. Họ tên cha: Nguyễn Minh V; Họ tên mẹ: Đinh Thị Kim N2; Gia đình có 3 chị em, bị cáo là con thứ ba. Vợ, con: Chưa có. Tiền án, tiền sự: Chưa có. Bị cáo bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện đang tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

***Người giám hộ cho bị cáo Nguyễn Quang N** là bà Đỗ Thị O, sinh năm 1980 – mẹ đẻ bị cáo. *(Có mặt)*

Địa chỉ: thôn E, xã K, huyện G, thành phố Hà Nội

Người bào chữa cho bị cáo N: Ông Nguyễn Kim Đ2 - Luật sư thực hiện hợp đồng trợ giúp pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà Nước tỉnh H *(Có mặt)*

***Người giám hộ của bị cáo Nguyễn Quang H (ở K)** là ông Nguyễn Minh V, sinh năm 1976 - bố đẻ bị cáo. *(Có mặt)*

Địa chỉ: thôn C, xã K, huyện G, thành phố Hà Nội.

Người bào chữa cho bị cáo H ở K: Bà Lê Thị Thanh H2 – Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh H *(Có mặt)*

***Người giám hộ của bị cáo Nguyễn Quang H (ở V)** là ông Nguyễn Minh P, sinh năm 1982 – bố đẻ bị cáo. *(Có mặt)*

Địa chỉ: thôn T, xã V, huyện G, thành phố Hà Nội.

Người bào chữa cho bị cáo H ở V: Ông Nguyễn Thế A – Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh H. *(Vắng mặt)*

*** Bị hại:**

Anh Nguyễn Thành C1, sinh ngày 19/10/2005. *(Vắng mặt)*

Người giám hộ của anh C1: Ông Nguyễn Thành T3, sinh năm 1979. *(Vắng mặt)*

Cùng địa chỉ: thôn B, xã B, huyện G, thành phố Hà Nội

Bà Nguyễn Thị H3, sinh năm 1981 *(Vắng mặt)*

Địa chỉ: Đ, thôn E, xã Q, huyện C, tp Hà Nội

***Người làm chứng:**

Anh Quảng Văn V1, sinh ngày 20/9/2007(*Vắng mặt*)

Địa chỉ: Bản H, xã B, huyện S, tỉnh Sơn La.

Đại diện cho V1: Ông Nguyễn Hữu T4, sinh năm 1988 – Bí thư Đoàn thanh niên xã L, huyện V, tỉnh Hưng Yên (*vắng mặt*)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Quang N sinh ngày 24/01/2006, HKTT: Thôn E, xã K, huyện G, Tp . Hà Nội và anh Nguyễn Thành C1 sinh ngày 19/10/2005 ở thôn B, xã B, huyện G có mâu thuẫn từ trước, đã nhiều lần nhắn tin chửi nhau trên mạng xã hội facebook bằng ứng dụng messenger.

Khoảng 22 giờ ngày 05/7/2023, N ngồi ăn cơm tại nhà Nguyễn Tuấn T2, sinh năm 1998, HKTT: Thôn C, xã K, huyện G, thành phố Hà Nội cùng với: Trương Quốc T1, sinh năm 1999 ở cùng thôn với N; Nguyễn Đức Tài U, sinh năm 2004; Nguyễn Quang H, sinh ngày 09/4/2006 (*gọi tắt là Huy Kim L1*) đều ở cùng thôn với T2 và Nguyễn Quang H, sinh ngày 19/4/2006 (*gọi tắt là Huy Văn Đ3*), HKTT: thôn T, xã V, huyện G, thành phố Hà Nội. Trong lúc ngồi ăn cơm, thì N nhận được cuộc gọi điện thoại qua ứng dụng messenger (không nhớ tên tài khoản) của bạn là Nguyễn Văn Đ4 (chưa xác định được nhân thân, lai lịch), nói C1 đang ở khu vực trước cổng Trường cấp 2 xã K. Sau khi nghe điện thoại của Đ4, thì N rủ T2, T1, U, Huy Kim L1, Huy Văn Đ3 cùng đến cổng Trường cấp 2 xã K tìm anh C1 để giải quyết mâu thuẫn, tất cả đều đồng ý. N điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave màu đỏ, biển số 29N1- 910.14 của Huy Kim L1, chở Huy Kim L1 và T1; Huy Văn Đ3 điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Dream màu nâu (chưa xác định được biển số) của T2, chở U và T2 đi đến khu vực trước cổng Trường cấp 2 xã K để tìm anh C1 nhưng không thấy nên tất cả quay về nhà T2. Trên đường đi về nhà T2, thì Huy Kim L1 điều khiển xe mô tô biển số 29N1- 910.14 chở N và T1. Khi đi đến khu Trại nấm xã K thì N nhìn thấy anh C1 điều khiển xe mô tô đi vượt lên trước, qua xe của Huy Kim L1. N bảo Huy Kim L1 đuổi theo chặn xe của anh C1 lại nhưng không đuổi kịp. Cả nhóm của N về nhà T2 ngồi chơi, đến khoảng 22 giờ 45 phút cùng ngày, anh C1 nhắn tin qua messenger cho N với nội dung: *“Hôm nay đuổi nhau vui, hôm sau chơi tiếp, tao đang đứng ở cổng nhà mày chờ mày”*. Sau khi đọc tin nhắn của anh C1, thì N gọi điện qua messenger bảo Đ4 khi nào thấy C1 thì gọi cho N, Đ4 đồng ý. Khoảng 23 giờ 20 phút cùng ngày, Đ4 đi cùng với cháu Dương Thế L2, sinh năm 2010 ở xã K, huyện G, thành phố Hà Nội đến thuê phòng 301 nhà nghỉ D1 ở khu C, xã X, huyện V để nghỉ qua đêm. Sau khi Đ4 thuê phòng, L2 gọi điện bằng ứng dụng messenger rủ anh C1 đến nhà nghỉ D1 để nghỉ cùng với Đ4 và L2, thì anh C1 đồng ý. L2 điều khiển xe mô tô Honda Cub màu trắng đen (không rõ biển số, chưa xác định được xe của ai) đến nhà anh C1 đón lên nhà nghỉ D1. Đến khoảng 00 giờ 15 phút ngày 06/7/2023, khi nhóm của N vẫn đang ở nhà T2, thì Đ4 gọi điện qua messenger để thông báo cho N biết là anh C1 đang ở phòng 301 nhà nghỉ D1 cùng với Đ4. Nhật tiếp tục rủ U, Huy Văn Đ3, T1, Huy Kim L1 và T2 đến nhà nghỉ D1 để bắt anh C1 mang đi đánh, thì tất cả nhóm đều đồng ý. Khi đi, N điều khiển xe mô tô biển số 29N1 – 910.14 chở U; Huy Văn Đ3 một mình điều khiển xe mô tô của T2 nhãn hiệu Honda Dream,

màu nâu, biển số 29N1 – 213.65; Huy Kim L1 điều khiển xe mô tô hiệu Honda Dream, màu nâu (không xác định được biển số) cũng của T2, chở T1 và T2.

Khoảng 00 giờ 30 phút ngày 06/7/2023, nhóm của N đến đỗ xe trước cửa nhà nghỉ D1, N và U đi vào trong nhà nghỉ để bắt anh C1 ra ngoài. Còn Huy Kim L1, Huy Văn Đ3, T1, T2 thì ở bên ngoài chờ N và U đưa anh C1 ra. Khi N và U đi vào đến quầy lễ tân, thì anh Quảng Văn V1, sinh ngày 20/9/2007, nơi thường trú: Bản H, xã P, huyện S, tỉnh Sơn La là nhân viên quản lý nhà nghỉ hỏi N và U đi đâu, thì N nói lên phòng 301 gặp bạn, nên anh V1 đồng ý. Khi đến cửa phòng 301, N gõ cửa thì anh C1 đi ra mở cửa, N liền lao vào dùng hai tay túm cổ anh C1 và đẩy vào giường ngủ, rồi dùng tay phải nhặt chiếc thắt lưng da của anh C1 để giường, vụt vào chân và người anh C1 khoảng 04 đến 05 cái; U dùng tay đâm vào vai anh C1 01 cái. L2 và Đ4 thấy N và U đánh anh C1 thì can ngăn không cho đánh tiếp; thấy anh C1 đang cởi trần nên N bắt anh C1 mặc áo vào. N dùng hai tay túm cổ áo của anh C1 kéo xuống tầng 1. Khi đến quầy lễ tân, anh C1 gạt được tay của N ra và bảo với anh V1 gọi điện cho chú T5 (chủ nhà nghỉ) đến giúp anh C1. Thấy vậy, N tiếp tục dùng tay phải túm cổ anh C1 và quát “Đi ra ngoài” nhưng anh C1 chống đối không đi và bảo với N: “Hôm nay mày chết rồi con chó ẹ”. Nhặt buồng cổ áo anh C1 ra, rồi đi ra cửa nhà nghỉ gọi T1, Huy Văn Đ3 và T2 vào hỗ trợ bắt anh C1 đưa ra ngoài; U đứng ở phía trước quầy lễ tân, còn Huy Kim L1 vẫn đứng bên ngoài nhà nghỉ. T1 đi vào nói với anh C1 “Ra đây anh bảo” nhưng anh C1 không ra và dùng tay phải nắm chặt vào bàn lễ tân để không bị nhóm của N lôi đi. N dùng hai tay ôm cổ anh C1; T1 dùng tay trái gỡ tay phải của anh C1 ra khỏi bàn lễ tân và dùng tay phải cùng với U ôm vào người anh C1; còn Huy Văn Đ3 và T2 chạy vào quầy lễ tân rồi cùng ôm vào người anh C1, hỗ trợ N, U, T1 kéo anh C1 ra ngoài. Anh C1 liên tục vùng vẫy, chống đối, nhưng không thoát ra được. Khi lôi được anh C1 ra đường trước cửa nhà nghỉ, N bắt anh C1 ngồi lên xe mô tô của Huy Kim L1, U ngồi sau giữ và khống chế anh C1, N điều khiển xe mô tô chở anh C1 và U đi về hướng Nghĩa trang thôn D, xã X, huyện V; Huy Kim L1 điều khiển xe mô tô Honda Dream (không xác định được biển số) của T2 chở T1 và T2; Huy Văn Đ3 điều khiển xe mô tô biển số 29N1-213.65 của T2 đi một mình. Tất cả cùng đi theo xe của N với mục đích tìm địa điểm vắng người để đánh anh C1.

Khi đến Nghĩa trang thôn D, xã X, thì N dừng xe, rồi cùng với T1, U và Huy Văn Đ3 dùng chân, tay đánh vào vùng bụng, ngực và mặt anh C1. Huy Kim L1 và T2 đứng bên cạnh, không đánh anh C1 nhưng cũng không can ngăn. Một lúc sau, thấy anh C1 bị sung, chảy máu ở vùng mặt nên nhóm của N không đánh nữa, N bắt anh C1 lên xe mô tô biển số 29N1- 910.14, bảo Huy Văn Đ3 ngồi phía sau giữ anh C1, rồi điều khiển xe đi về hướng Trường tiểu học và trung học cơ sở xã Đ, huyện G, thành phố Hà Nội; Huy Kim L1 vẫn điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Dream (không rõ biển số) của T2, chở T2 và T1; U một mình điều khiển xe mô tô biển số 29N1- 213.65 đi theo xe của N. Khi đến trước cổng Trường tiểu học và trung học cơ sở xã Đ, thì N dừng xe và cả nhóm cũng dừng lại. N tiếp tục dùng tay, chân đánh vào vùng bụng, ngực và mặt anh C1; T2 dùng tay tát vào mặt anh C1 02 cái. Thấy mặt anh C1 chảy nhiều máu, T1 nói với cả nhóm: “Cho nó xuống ao rửa mặt” thì Huy Văn Đ3 lội xuống ao cùng anh C1 và dùng hai tay túm cổ áo anh C1 chìm xuống nước rồi lại nhấc lên, làm như vậy 3 lần thì đưa anh C1 lên bờ. Lúc này vào khoảng 02 giờ 50 phút ngày

06/7/2023, nhóm của N đưa anh C1 về, nhưng do đã khuya nên anh C1 bảo cho anh về nhà nghỉ D1 để nghỉ, sau đó nhóm của N đi về.

Ngày 07/7/2023, anh C1 đến khám tại Bệnh viện Đ5, Hà Nội. Kết quả xác định: Bầm tím vùng thái dương phải, trán trái, vùng mắt hai bên, tai trái, môi dưới, vai trái, ngực trái; vết thương xây xước vùng cẳng tay phải, vùng lưng kích thước 1x1cm; gãy cung xương sườn 10 bên trái; vành tai trái sưng nề, bầm tím, vùng mũi sưng nề, chấn thương phần mềm vùng tai, mũi/viêm mũi họng.

Ngày 08/7/2023, anh C1 gửi đơn trình báo sự việc đến Công an xã X. Ngày 11/7/2023, Công an xã X rà soát thu giữ file video trích xuất từ camera của nhà nghỉ D1 và lưu trữ trong USB màu trắng dung lượng 4GB. Ngày 12/7/2023, anh C1 cùng mẹ là bà Nguyễn Thị H3 giao nộp cho Công an xã X đơn xin bãi nại, biên bản hòa giải và không đề nghị giải quyết về hành vi Cố ý gây thương tích của các đối tượng gây ra cho anh C1 ngày 06/7/2023.

Ngày 13/7/2023, Công an xã X chuyển hồ sơ, tài liệu có liên quan đến Cơ quan CSĐT Công an huyện V để giải quyết theo thẩm quyền. Ngày 14/9/2023, Cơ quan CSĐT Công an huyện V trưng cầu giám định file video đã ghi lại diễn biến hành vi bắt, giữ anh C1 của N cùng các đối tượng nói trên. Ngày 12/10/2023, Phòng K Công an tỉnh H giám định, kết luận: file video không bị cắt ghép, chỉnh sửa đồng thời trích xuất bản ảnh mô tả hành vi dùng vũ lực của N, Huy Văn Đ3, T1, T2 và U để khống chế, bắt anh C1 đi theo nhóm của N.

Ngày 20/9/2023, Cơ quan CSĐT Công an huyện V trưng cầu giám định tỷ lệ tổn thương cơ thể đối với anh C1, nhưng anh C1 từ chối giám định và việc dẫn giải của Cơ quan điều tra đối với anh C1 để đi giám định cũng không thực hiện được.

Ngày 22/11/2023, Huy Kim L1 giao nộp cho Cơ quan CSĐT Công an huyện V 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave màu đỏ biển số 29N1- 910.14 cùng đăng ký xe mang tên Nguyễn Quang H sinh năm 2006, HKTT: Thôn C, xã K. Ngày 29/11/2023, T2 giao nộp cho Cơ quan CSĐT Công an huyện V 01 xe mô tô biển số 29N1- 213.65 cùng bản phô tô đăng ký xe mang tên Nguyễn Ngọc T6, sinh năm 1992 ở thôn T, xã K (nhưng là tài sản hợp pháp của T2). Riêng chiếc xe mô tô Honda Dream màu nâu (không xác định được biển số) của T2 đã giao cho Huy Kim L1 sử dụng làm phương tiện phạm tội như nêu ở trên thì T2 đã bán cho người không rõ tên tuổi, địa chỉ, được 8.000.000đ. Kết quả tra cứu vật chứng đối với 2 xe mô tô do Huy Kim L1 và T2 giao nộp đều xác định không nằm trong cơ sở dữ liệu xe máy vật chứng.

Đối với Nguyễn Văn Đ4 và Dương Thế L2: Cơ quan CSĐT Công an huyện V đã tiến hành xác minh tại xã K, huyện G nhưng chưa xác định được nhân thân, lai lịch của Đ4 và L2 nên không có căn cứ để xem xét, xử lý.

Còn đối với hành vi của các bị cáo đã dùng chân, tay đánh gây thương tích cho anh C1 như nêu ở trên. Do không thực hiện được việc giám định tỷ lệ tổn hại sức khỏe của anh C1 và anh C1 cũng không yêu cầu khởi tố. Viện kiểm sát nhân dân huyện kiến nghị Công an huyện Văn Giang xử phạt vi phạm hành chính đối với các đối tượng liên quan về hành vi xâm hại sức khỏe của người khác.

Tại bản Cáo trạng số: 37/CT-VKSVG ngày 04/3/2024, Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên đã truy tố Nguyễn Quang N, Nguyễn Đức Tài U, Nguyễn Quang H, Trương Quốc T1, Nguyễn Tuấn T2 và

Nguyễn Quang H về tội “**Bắt, giữ người trái pháp luật**” theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 157 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay:

- Các Bị cáo đều thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình như nêu tại bản Cáo trạng và tỏ thái độ ăn năn hối cải.

- Đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố như bản Cáo trạng, đề nghị HĐXX áp dụng:

- Điểm e khoản 2 Điều 157; Điều 17; Điều 38; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; khoản 1 Điều 91; khoản 1 Điều 101 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Quang N.

-Điểm e khoản 2 Điều 157; Điều 17; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; khoản 1, 2 và 5 Điều 65; khoản 1 Điều 91, khoản 1 Điều 101 của Bộ luật hình sự đối với 02 bị cáo cùng tên Nguyễn Quang H.

- Điểm e khoản 2 Điều 157; Điều 17; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; khoản 1, 2 và 5 Điều 65 của Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Nguyễn Đức Tài U, Trương Quốc T1 và Nguyễn Tuấn T2.

- Điểm a khoản 1 Điều 46; điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự;

-Điều 135; Điều 136; khoản 1 điều 293; khoản 1 Điều 293; Điều 299; Điều 331; Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự;

- Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Đề nghị Tuyên bố: Các Bị cáo Nguyễn Quang N, Nguyễn Đức Tài U, Nguyễn Quang H, Trương Quốc T1, Nguyễn Tuấn T2 và Nguyễn Quang H phạm tội “**Bắt, giữ người trái pháp luật**”.

Đề nghị xử phạt:

-Bị cáo Nguyễn Quang N 02 năm 03 tháng đến 02 năm 06 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

-Bị cáo Nguyễn Đức Tài U 02 năm 06 tháng đến 02 năm 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 năm, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

-Bị cáo Nguyễn Quang H (ở V) 01 năm 09 tháng đến 02 năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 03 năm 06 tháng đến 04 năm, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

-Bị cáo Trương Quốc T1 02 năm 03 tháng đến 02 năm 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 04 năm 06 tháng đến 05 năm, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

-Bị cáo Nguyễn Tuấn T2 02 năm 03 tháng đến 02 năm 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 04 năm 06 tháng đến 05 năm, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

-Bị cáo Nguyễn Quang H (ở K) 01 năm 06 tháng đến 01 năm 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 03 năm đến 03 năm 06 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao các bị cáo cho UBND xã nơi các bị cáo cư trú giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Về xử lý vật chứng đề nghị:

Cho lưu giữ tại hồ sơ vụ án 01 USB màu đen, dung lượng 04GB trong phong bì niêm phong hoàn lại sau giám định.

Tịch thu cho phát mại sung vào Ngân sách Nhà Nước 01 xe mô tô biển số 29N1-910.14 và giấy chứng nhận đăng ký xe của bị cáo Nguyễn Quang H (sinh ngày 09/4/2006 ở K) và 01 xe mô tô biển số 29N1-213.65 của bị cáo Nguyễn Tuấn T2 là xe các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội.

Truy thu của bị cáo Nguyễn Tuấn T2 8.000.000đồng nộp vào Ngân sách Nhà Nước.

Về án phí đề nghị: Buộc các bị cáo Nguyễn Quang N, Nguyễn Đức Tài U, Nguyễn Quang H, Trương Quốc T1, Nguyễn Tuấn T2 và Nguyễn Quang H mỗi bị cáo phải chịu 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm.

- Người bào chữa cho bị cáo N ông Nguyễn Kim Đ2 nhất trí với luận tội của đại diện viện kiểm sát về tội danh và điều luật áp dụng đối với bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét bị cáo phạm tội khi chưa đủ 18 tuổi, khả năng nhận thức và làm chủ hành vi của bị cáo còn hạn chế, hành vi phạm tội do bột bột, thiếu suy nghĩ, đã rất ăn năn, hối cải, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ. Bị cáo đã bồi thường khắc phục hậu quả cho bị hại nên đề nghị áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo, xử phạt bị cáo ở mức 02 năm 03 tháng tù nhưng cho hưởng án treo.

Bị cáo N và mẹ đẻ bị cáo bà Đỗ Thị O nhất trí với luận tội của người bào chữa, không tranh luận gì thêm.

Kiểm sát viên nêu quan điểm tranh luận: Việc gia đình bị cáo N bồi thường cho bị hại là bồi thường cho hành vi các bị cáo gây thương tích cho bị hại và đã được bị hại xin bãi nại, xin không xử lý về hành vi này. Đối với hành vi bắt, giữ người trái pháp luật của các bị cáo, bị hại không yêu cầu bồi thường và các bị cáo đều chưa bồi thường do đó sẽ không áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo N.

Bị cáo N và người bào chữa không tranh luận thêm.

-Người bào chữa cho bị cáo H ở K là bà Lê Thị Thanh H2 trình bày: Nhất trí với luận tội của đại diện viện kiểm sát về tội danh và các điều luật áp dụng đối với bị cáo. Đề nghị HĐXX xem xét bị cáo H phạm tội khi chưa đủ 18 tuổi, bị cáo có vai trò thấp nhất trong vụ án, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Đề nghị xử phạt bị cáo với mức hình phạt thấp nhất theo đề nghị của Viện kiểm sát.

-Chủ tọa đọc toàn văn “Luận cứ bào chữa” cho bị cáo H ở V của người bào chữa vắng mặt tại phiên tòa là ông Nguyễn Thế A: Nhất trí với tội danh và điều luật áp dụng đối với bị cáo H nêu tại Cáo Trạng và cũng nhất trí với tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo nêu tại C. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét khi phạm tội bị cáo chưa đủ 18 tuổi, bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, lần đầu phạm tội, đề nghị cho bị cáo được hưởng các chính sách khoan hồng đối với người chưa thành niên phạm tội, tuyên phạt bị cáo hình phạt ở mức thấp nhất theo quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát để bị cáo có cơ hội sửa chữa lỗi lầm của mình.

Bị cáo H ở V và bố đẻ bị cáo ông Nguyễn Minh P nhất trí với Luận cứ bào chữa, không tranh luận gì thêm.

Các Bị cáo U, T1 và T2 không tranh luận gì.

- Khi được nói lời sau cùng, các bị cáo đều nhận thấy việc làm của mình là vi phạm pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo, cho các bị cáo được cải tạo tại địa phương.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng:

- Cơ quan điều tra, điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân và kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác đều không có ý kiến khiếu nại gì về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện. Hành vi, quyết định tố tụng, người tiến hành tố tụng đều đảm bảo, đúng pháp luật.

- Bị hại, người giám hộ của Bị hại và người làm chứng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, các bị cáo, người giám hộ, người bào chữa và đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử xét xử vụ án vắng mặt họ. Xét thấy người vắng mặt đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, đã có lời khai lưu tại hồ sơ vụ án, sự vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến việc xử lý vụ án nên HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 292, khoản 1 điều 293 Bộ luật tố tụng hình sự tiếp tục xét xử vụ án.

[2]. Về hành vi phạm tội: Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa hôm nay phù hợp khách quan với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với nhau, phù hợp với trình báo và lời khai bị hại, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, đã có đủ cơ sở kết luận: ***Khoảng 00 giờ 30 phút ngày 06/7/2023, tại nhà nghỉ D1 thuộc khu C, xã X, huyện V, tỉnh Hưng Yên; Nguyễn Quang N cùng Nguyễn Đức Tài U, Nguyễn Quang H (ở V), Nguyễn Tuấn T2, Trương Quốc T1 và Nguyễn Quang H (ở K) đã có hành vi dùng vũ lực khống chế, bắt, giữ trái pháp luật đối với anh Nguyễn Thành C1 là người dưới 18 tuổi, đưa lên xe mô tô chở đến nghĩa trang thôn D, xã X và đánh anh C1. Sau đó, tất cả lại đưa anh C1 đến khu vực trước cổng Trường tiểu học và trung học cơ sở xã Đ, huyện G, thành phố Hà Nội để đánh tiếp. Đến khoảng 2 giờ 30 phút cùng ngày, các bị cáo mới đưa anh C1 trở lại nhà nghỉ D1 và sau đó anh C1 đi về nhà.***

Hành vi này của các Bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành thành tội ***“Bắt, giữ người trái pháp luật”***, thuộc trường hợp phạm tội ***“đối với người dưới 18 tuổi”*** quy định tại ***điểm e khoản 2 Điều 157 Bộ luật hình sự***. Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Giang truy tố các bị cáo về tội danh theo điều luật như trên là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Đối với Nguyễn Văn Đ4 và Dương Thế L2 do không xác định được lai lịch, nhân thân nên không có căn cứ xử lý.

Đối với hành vi các bị cáo dùng chân, tay đánh gây thương tích cho anh C1. Do anh C1 từ chối giám định sức khỏe và không yêu cầu khởi tố đối với các bị cáo về hành vi này nên không có căn cứ xử lý. Viện kiểm sát nhân dân huyện

Văn Giang đã kiến nghị Công an huyện V, xem xét xử phạt vi phạm hành chính đối với các bị cáo về hành vi xâm phạm sức khỏe của người khác là chính xác.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm đến thân thể, quyền tự do, danh dự của công dân được pháp luật bảo vệ mà còn gây mất trật tự trị an xã hội trên địa bàn huyện V; gây hoang mang, lo lắng và bất bình trong quần chúng nhân dân.

Thời điểm các bị cáo thực hiện tội phạm bị cáo N và 02 bị cáo H đều chưa đủ 18 tuổi; bị cáo U, T1 và T2 đã thành niên. Các bị cáo đều không có thẩm quyền bắt, giữ người khác, nhận thức rõ được việc bắt, giữ người khác để đánh là vi phạm pháp luật nhưng do N có mâu thuẫn với bị hại là anh C1 nên đã rủ các bị cáo khác cùng bắt, giữ anh C1 và đánh gây thương tích cho anh C1. Các bị cáo thực hiện tội phạm nghiêm trọng với lỗi cố ý, thể hiện sự liều lĩnh, coi thường pháp luật nên cần phải đưa ra xét xử và áp dụng hình phạt tương xứng với vai trò, tính chất, mức độ hành vi phạm tội của từng bị cáo để răn đe, giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[3]. Về nhân thân, vai trò, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt:

- **Về nhân thân:** Các bị cáo đều có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự, có nơi cư trú rõ ràng; bị cáo N và 2 bị cáo H khi thực hiện hành vi phạm tội đều dưới 18 tuổi.

- **Về vai trò:** Các bị cáo thực hiện tội phạm với hình thức đồng phạm nhưng mang tính chất bột phát, giản đơn, không có tính chất tổ chức do không có sự bàn bạc từ trước, không phân công công việc cụ thể. N là người cầm đầu, khởi xướng, rủ các bị cáo khác cùng mình đi bắt giữ, đánh anh C1 và N cũng thực hiện hành vi này tích cực nhất nên giữ vai trò chính; Bị cáo U và bị cáo H ở Văn Đ3 dùng vũ lực, đánh anh C1, bắt anh lên xe và ngồi sau xe giữ anh C1 để N chở đi nên U, N và H ở V là người thực hành tích cực giữ vai trò thứ 2; Bị cáo T1, T2 tham gia cùng các bị cáo khác lôi anh T2 ra ngoài nên giữ vai trò thứ 3; Huy Kim L1 đã giao xe máy của mình cho N sử dụng làm phương tiện phạm tội và chở T2, T1 đi cùng N, có tham gia giữ anh C1 nên giữ vai trò thứ yếu trong vụ án. HĐXX sẽ căn cứ vào vai trò của từng bị cáo khi thực hiện tội phạm để quyết định hình phạt đối với các bị cáo.

- **Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:**

Bị cáo N khởi xướng, rủ rê các bị cáo trong đó có 02 bị cáo H là những người chưa thành niên cùng mình đi tìm đánh anh C1. Việc N khởi xướng là tự phát, ngay sau khi biết tin về anh C1 nên N không hề có sự tính toán từ trước. Bị cáo N cũng không có hành vi kích động, thúc đẩy, dụ dỗ, hứa hẹn với 2 bị cáo H là nếu tìm, bắt, đánh được anh C1 sẽ cho 2 bị cáo H được hưởng lợi gì về vật chất. Do đó ý thức chủ quan của N chỉ là rủ rê 2 bị cáo H cùng mình thực hiện hành vi phạm tội, không mang tính chất xúi giục. Vì vậy, N không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là “*Xúi giục người dưới 18 tuổi phạm tội*” quy định tại điểm o khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Các bị cáo U, T1, T2 và 02 bị cáo H cũng đều không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

- **Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:** Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đều thành khẩn khai báo và ăn năn hối cải; các bị cáo đều có đơn xin cải tạo tại địa phương được chính quyền nơi các bị cáo thường trú

xác nhận; Riêng bị cáo U có ông nội, bị cáo T2 có ông ngoại có công với cách mạng được tặng thưởng huân chương nên sẽ cho các bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Người bào chữa cho bị cáo N đề nghị HĐXX áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự do bị cáo N cùng gia đình đã bồi thường cho bị hại. Tuy nhiên việc bồi thường này là bồi thường cho hành vi gây thương tích cho bị hại và đã được bị hại xin bãi nại không xử lý về hành vi này. Đối với hành vi bắt, giữ người trái pháp luật của bị cáo, bị hại không yêu cầu bồi thường do đó sẽ không áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo N.

-Về hình phạt: Sau khi xem xét, đánh giá tính chất, vai trò, mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của các bị cáo thấy: Các bị cáo đều còn rất trẻ tuổi, trong đó N và 2 bị cáo H khi phạm tội còn chưa thành niên, khả năng nhận thức và điều khiển hành vi cũng như nhận thức về tính chất nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội còn hạn chế. Động cơ dẫn đến việc N phạm tội là do mâu thuẫn cá nhân với bị hại, các bị cáo khác phạm tội là do nể nang bạn bè, không nỡ từ chối khi bạn rủ rê nên đã thiếu suy nghĩ, bông bột mà thực hiện hành vi phạm tội. Để thể hiện sự khoan hồng của pháp luật, đặc biệt là chính sách nhân đạo đối với người chưa thành niên phạm tội sẽ áp dụng khoản 1 Điều 91, khoản 1 Điều 101 Bộ luật hình sự khi quyết định hình phạt đối với bị cáo N và 2 bị cáo H.

Bị cáo N là người cầm đầu, rủ rê, thực hành tích cực nhất, có vai trò chính trong việc thực hiện tội phạm nên cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để răn đe, giáo dục đối với bị cáo, giúp bị cáo trở thành công dân tốt cho gia đình và xã hội.

Các bị cáo U, T1, T2 và 2 bị cáo H có vai trò thấp hơn bị cáo N trong việc thực hiện tội phạm, trong đó 2 bị cáo H khi phạm tội chưa thành niên. Do đó thấy không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà sẽ xử phạt các bị cáo mức hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo tương ứng với vai trò của từng bị cáo, để các bị cáo cơ hội được cải tạo tại địa phương, được sự giáo dục của gia đình để phát triển lành mạnh, trở thành công dân tốt, có ích cho gia đình, xã hội. Qua đó cũng đủ tác dụng răn đe đối với các bị cáo và là bài học phòng ngừa chung cho mọi người, đặc biệt là lớp thanh thiếu niên trong xã hội hiện nay.

[5]. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không yêu cầu các bị cáo bồi thường gì nên không đặt ra giải quyết.

[6]. Về xử lý vật chứng:

01 USB màu đen, dung lượng 04GB trong phong bì niêm phong hoàn lại sau giám định là chứng cứ chứng minh tội phạm sẽ cho lưu giữ tại hồ sơ vụ án.

01 xe mô tô biển số 29N1-910.14 và giấy chứng nhận đăng ký xe (đang lưu giữ trong hồ sơ vụ án) thu của bị cáo Nguyễn Quang H ở K và 01 xe mô tô biển số 29N1-213.65 thu giữ của bị cáo Nguyễn Tuấn T2, đây là phương tiện các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội nên sẽ tịch thu cho phát mại sung vào Ngân sách Nhà Nước.

Đối với chiếc xe Honda Dream màu nâu đen không rõ biển số của bị cáo Nguyễn Tuấn T2. Các bị cáo đã dùng chiếc xe này làm phương tiện phạm tội. Bị cáo T2 sau đó đã bán chiếc xe cho người không rõ lai lịch được 8.000.000đồng nên sẽ truy thu số tiền này của bị cáo T2 để nộp vào Ngân sách Nhà Nước.

[7]. Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ vào:

- Điều e khoản 2 Điều 157; Điều 17; Điều 38; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; khoản 1 Điều 91; khoản 1 Điều 101 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Quang N.

-Điều e khoản 2 Điều 157; Điều 17; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; khoản 1, 2 và 5 Điều 65; khoản 1 Điều 91, khoản 1 Điều 101 của Bộ luật hình sự đối với 02 bị cáo cùng tên Nguyễn Quang H.

- Điều e khoản 2 Điều 157; Điều 17; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; khoản 1, 2 và 5 Điều 65 của Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Nguyễn Đức Tài U, Trương Quốc T1 và Nguyễn Tuấn T2.

- Điều a khoản 1 Điều 46; điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự đối với bị cáo Nguyễn Quang H ở K và Nguyễn Tuấn T2.

-Điều 135; Điều 136; khoản 1 điều 293; khoản 1 Điều 293; Điều 299; Điều 331; Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự;

- Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

2. Tuyên bố: Các Bị cáo Nguyễn Quang N, Nguyễn Đức Tài U, Nguyễn Quang H, Trương Quốc T1, Nguyễn Tuấn T2 và Nguyễn Quang H phạm tội ***“Bắt, giữ người trái pháp luật”***.

3. Xử phạt:

-Bị cáo Nguyễn Quang N 02 năm 03 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

-Bị cáo Nguyễn Đức Tài U 02 năm 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 năm, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

-Bị cáo Nguyễn Quang H (sinh ngày 19/4/2006 ở Văn Đức) 01 năm 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 03 năm 06 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

-Bị cáo Trương Quốc T1 02 năm 03 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 04 năm 06 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

-Bị cáo Nguyễn Tuấn T2 02 năm 03 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 04 năm 06 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

-Bị cáo Nguyễn Quang H (sinh ngày 09/4/2006 ở K) 01 năm 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 03 năm, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao các Bị cáo Nguyễn Đức Tài U, Nguyễn Quang H(sinh ngày 09/4/2006), Trương Quốc T1, Nguyễn Tuấn T2 cho Ủy ban nhân dân xã K,

huyện G, thành phố Hà Nội nơi các bị cáo cư trú giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Giao Bị cáo Nguyễn Quang H (sinh ngày 19/4/2006) cho Ủy ban nhân dân xã V, huyện G, thành phố Hà Nội nơi bị cáo cư trú giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp các bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

4. Về xử lý vật chứng:

Cho lưu giữ tại hồ sơ vụ án 01 USB màu đen, dung lượng 04GB trong phong bì niêm phong hoàn lại sau giám định.

Tịch thu cho phát mại sung vào Ngân sách Nhà Nước 01 xe mô tô biển số 29N1-910.14 và giấy chứng nhận đăng ký xe của bị cáo Nguyễn Quang H (sinh ngày 09/4/2006 ở K) và 01 xe mô tô biển số 29N1-213.65 của bị cáo Nguyễn Tuấn T2.

Truy thu của bị cáo Nguyễn Tuấn T2 8.000.000đồng nộp vào Ngân sách Nhà Nước.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng giữa cơ quan điều tra Công an huyện V và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Văn Giang ngày 08/3/2024)

5. Về án phí: Các bị cáo Nguyễn Quang N, Nguyễn Đức Tài U, Nguyễn Quang H, Trương Quốc T1, Nguyễn Tuấn T2 và Nguyễn Quang H mỗi bị cáo phải chịu 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại và người giám hộ của bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhân:

- Phòng KTNV&THA, TAND tỉnh HY;
- VKSND tỉnh Hưng Yên;
- CA huyện Văn Giang;
- VKS huyện Văn Giang;
- Chi cục THADS huyện Văn Giang;
- UBND xã Kim Lan, huyện Gia Lâm, tp Hà Nội.
- UBND xã Văn Đức, huyện Gia Lâm, tp Hà Nội.
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Hoàng Lâm